

Cơ quan quản lý trực tiếp
UBND tỉnh Bình Thuận
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH THEO TRÌNH ĐỘ/LĨNH VỰC/NGÀNH
ĐÀO TẠO NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Công văn số/CĐBT-ĐT ngày3/2025)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
A	SAU ĐẠI HỌC			0	0	0
1	Tiến sĩ			0	0	0
1.1	Tiến sĩ chính quy					
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài					
2	Thạc sĩ			0	0	0
2.1	Thạc sĩ chính quy			0		
2.2	Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			0		
B	ĐẠI HỌC			0	0	0
3	Đại học chính quy			0	0	0
3.1	Chính quy			0	0	0
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học			0		
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)			0		
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			0		
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			0		
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0		
3.5	Liên kết đào tạo với nước ngoài			0		
4	Đại học vừa làm vừa học			0	0	0
4.1	Vừa làm vừa học			0		
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			0		
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			0		
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0		
5	Từ xa			0		
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			100	103	103
6	Cao đẳng chính quy			100	103	103

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
6.1	Chính quy	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	100	103	103
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0	0	0
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0	0	0
7	Cao đẳng vừa làm vừa học			0	0	0
7.1	Vừa làm vừa học	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0		0
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0	0	0
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0		0

Ngày xuất: 24/03/2025 17:32

Cơ quan quản lý trực ti
UBND tỉnh Bình Thuận.
UỶNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CƠ SỞ PHÁP LÝ XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Công văn số/CĐBT-DT ngày3/2025)

1.Danh sách ngành đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh	Đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Số văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Ngày ban hành văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo từ xa
1	Giáo dục mầm non	51140201	7932/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	29/12/2003	6036/QĐ-BGD&ĐT	24/12/2010	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2004	2024		0			0

2. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian và thỉnh giảng

2.1 Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian:

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
1	Trần Thị Có	16/10/1977	060177006775	Việt Nam	Nữ	13/04/2000	HĐLĐ không xác định thời hạn	13/04/2000			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
2	Phạm Hoàng Hải Ngọc	03/10/1981	060181010679	Việt Nam	Nữ	15/03/2004	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/03/2004			Thạc sĩ	Địa lý học			0
3	Trần Thị Ngọc Diễm	16/05/1969	060169003054	Việt Nam	Nữ	07/03/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn	07/03/2006			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
4	Đặng Thị Hiệp Định	23/03/1972	060172000192	Việt Nam	Nữ	30/08/1994	HĐLĐ không xác định thời hạn	30/08/1994			Thạc sĩ	Xã hội học			0
5	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21/10/1982	046182013795	Việt Nam	Nữ	22/03/2012	HĐLĐ không xác định thời hạn	22/03/2012			Đại học	Công nghệ thông tin			0
6	Huỳnh Thị Xuân Kiều	11/10/1978	060178000320	Việt Nam	Nữ	06/04/2001	HĐLĐ không xác định thời hạn	06/04/2001			Thạc sĩ	Giáo dục học			0
7	Phạm Thảo Nguyên	26/06/1981	060181000937	Việt Nam	Nữ	20/01/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn	20/01/2003			Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh			0
8	Phạm Thị Thanh Trường	27/05/1987	060187008466	Việt Nam	Nữ	06/05/2011	HĐLĐ không xác định thời hạn	06/05/2011			Đại học	Luật			0
9	Tô Thanh Vĩ	05/07/1970	060070012672	Việt Nam	Nam	17/02/1995	HĐLĐ không xác định thời hạn	17/02/1995			Đại học	Sư phạm Sinh học			0
10	Trần Thị Ngân Hà	17/07/1981	060181000699	Việt Nam	Nữ	11/12/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn	11/12/2003			Thạc sĩ	Sư phạm Âm nhạc			0
11	Đào Thị Xuân Hường	27/01/1980	060180008863	Việt Nam	Nữ	20/07/1999	HĐLĐ không xác định thời hạn	20/07/1999			Thạc sĩ	Kinh tế chính trị			0
12	Vũ Quang	10/12/1979	060079011395	Việt Nam	Nam	25/04/2007	HĐLĐ không xác định thời hạn	25/04/2007			Thạc sĩ	Khoa học máy tính			0
13	Nguyễn Văn Hải	09/06/1979	060079003140	Việt Nam	Nam	20/01/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn	20/01/2003			Thạc sĩ	Tâm lý học giáo dục			0
14	Nguyễn Thị Diễm	04/10/1984	049184019833	Việt Nam	Nữ	25/04/2007	HĐLĐ không xác định thời hạn	25/04/2007			Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non			0
15	Huỳnh Thị Yến Ngọc	12/03/1972	060172005463	Việt Nam	Nữ	22/09/1992	HĐLĐ không xác định thời hạn	22/09/1992			Đại học	Giáo dục Mầm non			0
16	Phù Thị Khánh	31/12/1981	066181001708	Việt Nam	Nữ	21/09/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn	21/09/2006			Đại học	Luật kinh tế			0
17	Nguyễn Thị Hồng Hà	30/03/1980	060180010780	Việt Nam	Nữ	06/04/2004	HĐLĐ không xác định thời hạn	06/04/2004			Đại học	Công nghệ thông tin			0
18	Đoàn Ngọc Hậu	15/12/1978	049078017670	Việt Nam	Nam	22/08/2002	HĐLĐ không xác định thời hạn	22/08/2002			Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh			0
19	Nguyễn Trần Linh Trang	12/11/1981	060181003055	Việt Nam	Nữ	07/03/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn	07/03/2006			Thạc sĩ	Giáo dục học			0
20	Võ Phan Thảo Nguyên	01/05/1982	060182006286	Việt Nam	Nữ	07/03/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn	07/03/2006			Đại học	Kỹ thuật nữ công			0
21	Lê Cao Đồng	31/12/1970	051070004107	Việt Nam	Nam	14/10/1991	HĐLĐ không xác định thời hạn	14/10/1991			Đại học	Triết học			0
22	Trần Thị Mai Lan	22/12/1974	060174002503	Việt Nam	Nữ	07/09/1998	HĐLĐ không xác định thời hạn	07/09/1998			Thạc sĩ	Giáo dục học			0

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
23	La Minh Trọng	16/02/1968	060068008101	Việt Nam	Nam	19/01/1996	HĐLĐ không xác định thời hạn	19/01/1996			Thạc sĩ	Triết học			0
24	Đỗ Thị Hoàng Xuân	14/03/1974	040174035459	Việt Nam	Nữ	24/08/1995	HĐLĐ không xác định thời hạn	24/08/1995			Đại học	Giáo dục Đặc biệt			0
25	Trần Thị Hà	28/12/1982	040182006321	Việt Nam	Nam	07/03/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn	07/03/2006			Thạc sĩ	Khoa học máy tính			0
26	Nguyễn Thị Kim Hồng	16/09/1981	068181000857	Việt Nam	Nữ	07/03/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn	07/03/2006			Thạc sĩ	ng và đánh giá trong giáo dục			0
27	Nguyễn Thị Thanh Xuân	10/02/1976	038176016671	Việt Nam	Nữ	24/08/1995	HĐLĐ không xác định thời hạn	24/08/1995			Thạc sĩ	Việt Nam học			0
28	Trần Thị Trọng Lễ	11/10/1972	060172002855	Việt Nam	Nữ	09/09/1996	HĐLĐ không xác định thời hạn	09/09/1996			Đại học	Tâm lý học giáo dục			0
29	Lê Hồng Phương	10/06/1978	060078007356	Việt Nam	Nam	20/01/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn	20/01/2003			Thạc sĩ	ngữ học so sánh, đối chiếu			0
30	Lê Thị Uyên Bích	20/02/1976	060176000431	Việt Nam	Nữ	06/04/2001	HĐLĐ không xác định thời hạn	06/04/2001			Đại học	Công nghệ thông tin			0
31	Trần Thị Thanh Tuyền	22/02/1988	060188011507	Việt Nam	Nữ	22/03/2012	HĐLĐ không xác định thời hạn	22/03/2012			Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh			0
32	Ngô Hoài Minh	17/08/1968	060068008924	Việt Nam	Nam	13/04/2000	HĐLĐ không xác định thời hạn	13/04/2000			Đại học	Hội hoạ			0
33	Ngô Trường Minh	08/02/1985	060085015971	Việt Nam	Nam	05/08/2010	HĐLĐ không xác định thời hạn	05/08/2010			Thạc sĩ	Quản lý giáo dục			0
34	Trần Thị Thảo Trang	03/07/1972	074172006039	Việt Nam	Nữ	04/09/1996	HĐLĐ không xác định thời hạn	04/09/1996			Đại học	Sư phạm Sinh học			0
35	Trần Huy Hoàng	10/07/1979	042079004052	Việt Nam	Nam	24/03/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn	24/03/2003			Đại học	Giáo dục Chính trị			0
36	Nguyễn Ngọc Thùy Trang	20/11/1985	060185001803	Việt Nam	Nữ	06/05/2011	HĐLĐ không xác định thời hạn	06/05/2011			Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh			0
37	Mai Ngọc Thanh Trâm	27/11/1976	060176001740	Việt Nam	Nữ	27/01/2002	HĐLĐ không xác định thời hạn	27/01/2002			Đại học	Kỹ thuật nữ công			0
38	Hoàng Cao Anh	12/12/1985	035085011651	Việt Nam	Nam	22/03/2012	HĐLĐ không xác định thời hạn	22/03/2012			Đại học	Công nghệ thông tin			0
39	Nguyễn Thị Thanh Liêm	01/06/1974	060174002435	Việt Nam	Nữ	21/07/1997	HĐLĐ không xác định thời hạn	21/07/1997			Thạc sĩ	Sư phạm Sinh học			0
40	Đặng Ngọc Hùng	05/08/1968	060068009007	Việt Nam	Nam	23/09/1991	HĐLĐ không xác định thời hạn	23/09/1991			Thạc sĩ	Văn học Việt Nam			0
41	Phạm Thúy Nhượng Lan	09/01/1973	060173009077	Việt Nam	Nữ	20/09/1994	HĐLĐ không xác định thời hạn	20/09/1994			Thạc sĩ	Kinh tế học			0
42	Võ Yên Hùng	02/03/1973	082073002624	Việt Nam	Nam	01/07/1997	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/07/1997			Đại học	Giáo dục Thể chất			0
43	Phạm Hồng Phương	25/01/1985	060185001154	Việt Nam	Nữ	25/04/2007	HĐLĐ không xác định thời hạn	25/04/2007			Thạc sĩ	Văn học nước ngoài			0
44	Trần Việt Dũng	15/01/1965	011065002490	Việt Nam	Nam	19/01/1996	HĐLĐ không xác định thời hạn	19/01/1996			Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất			0
45	Nguyễn Thị Minh Hiền	20/06/1986	060186000454	Việt Nam	Nữ	06/05/2011	HĐLĐ không xác định thời hạn	06/05/2011			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
46	Nguyễn Văn Mạnh	21/08/1978	060078003242	Việt Nam	Nam	06/04/2001	HĐLĐ không xác định thời hạn	06/04/2001			Đại học	Giáo dục Thể chất			0
47	Trần Thị Loan Phương	01/06/1982	060182000422	Việt Nam	Nữ	31/01/2013	HĐLĐ không xác định thời hạn	31/01/2013			Thạc sĩ	Giáo dục học			0

2.1.1 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành	Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Giáo dục mầm non		
							51140201		
1	Trần Thị Có	16/10/1977	060177006775	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ	100	1	100
2	Phạm Hoàng Hải Ngọc	03/10/1981	060181010679	Địa lý học		Thạc sĩ	100	1	100
3	Trần Thị Ngọc Diễm	16/05/1969	060169003054	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ	100	1	100
4	Đặng Thị Hiệp Định	23/03/1972	060172000192	Xã hội học		Thạc sĩ	100	1	100
5	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21/10/1982	046182013795	Công nghệ thông tin		Đại học	100	1	100
6	Huỳnh Thị Xuân Kiều	11/10/1978	060178000320	Giáo dục học		Thạc sĩ	100	1	100
7	Phạm Thảo Nguyên	26/06/1981	060181000937	Sư phạm Tiếng Anh		Thạc sĩ	100	1	100
8	Phạm Thị Thanh Trường	27/05/1987	060187008466	Luật		Đại học	100	1	100
9	Tô Thanh Vĩ	05/07/1970	060070012672	Sư phạm Sinh học		Đại học	100	1	100
10	Trần Thị Ngân Hà	17/07/1981	060181000699	Sư phạm Âm nhạc		Thạc sĩ	100	1	100
11	Đào Thị Xuân Hường	27/01/1980	060180008863	Kinh tế chính trị		Thạc sĩ	100	1	100
12	Vũ Quang	10/12/1979	060079011395	Khoa học máy tính		Thạc sĩ	100	1	100
13	Nguyễn Văn Hải	09/06/1979	060079003140	Tâm lý học giáo dục		Thạc sĩ	100	1	100
14	Nguyễn Thị Diễm	04/10/1984	049184019833	Giáo dục Mầm non		Thạc sĩ	100	1	100
15	Huỳnh Thị Yến Ngọc	12/03/1972	060172005463	Giáo dục Mầm non		Đại học	100	1	100
16	Phù Thị Khánh	31/12/1981	066181001708	Luật kinh tế		Đại học	100	1	100
17	Nguyễn Thị Hồng Hà	30/03/1980	060180010780	Công nghệ thông tin		Đại học	100	1	100
18	Đoàn Ngọc Hậu	15/12/1978	049078017670	Sư phạm Tiếng Anh		Thạc sĩ	100	1	100
19	Nguyễn Trần Linh Trang	12/11/1981	060181003055	Giáo dục học		Thạc sĩ	100	1	100
20	Võ Phan Thảo Nguyên	01/05/1982	060182006286	Kỹ thuật nữ công		Đại học	100	1	100
21	Lê Cao Đồng	31/12/1970	051070004107	Triết học		Đại học	100	1	100
22	Trần Thị Mai Lan	22/12/1974	060174002503	Giáo dục học		Thạc sĩ	100	1	100
23	La Minh Trọng	16/02/1968	060068008101	Triết học		Thạc sĩ	100	1	100
24	Đỗ Thị Hoàng Xuân	14/03/1974	040174035459	Giáo dục Đặc biệt		Đại học	100	1	100

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành	Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Giáo dục mầm non		
							51140201		
25	Trần Thị Hà	28/12/1982	040182006321	Khoa học máy tính		Thạc sĩ	100	1	100
26	Nguyễn Thị Kim Hồng	16/09/1981	068181000857	trong giáo dục		Thạc sĩ	100	1	100
27	Nguyễn Thị Thanh Xuân	10/02/1976	038176016671	Việt Nam học		Thạc sĩ	100	1	100
28	Trần Thị Trọng Lễ	11/10/1972	060172002855	Tâm lý học giáo dục		Đại học	100	1	100
29	Lê Hồng Phương	10/06/1978	060078007356	đổi chiều		Thạc sĩ	100	1	100
30	Lê Thị Uyên Bích	20/02/1976	060176000431	Công nghệ thông tin		Đại học	100	1	100
31	Trần Thị Thanh Tuyền	22/02/1988	060188011507	Sư phạm Tiếng Anh		Thạc sĩ	100	1	100
32	Ngô Hoài Minh	17/08/1968	060068008924	Hội hoạ		Đại học	100	1	100
33	Ngô Trường Minh	08/02/1985	060085015971	Quản lý giáo dục		Thạc sĩ	100	1	100
34	Trần Thị Thảo Trang	03/07/1972	074172006039	Sư phạm Sinh học		Đại học	100	1	100
35	Trần Huy Hoàng	10/07/1979	042079004052	Giáo dục Chính trị		Đại học	100	1	100
36	Nguyễn Ngọc Thùy Trang	20/11/1985	060185001803	Sư phạm Tiếng Anh		Thạc sĩ	100	1	100
37	Mai Ngọc Thanh Trâm	27/11/1976	060176001740	Kỹ thuật nữ công		Đại học	100	1	100
38	Hoàng Cao Anh	12/12/1985	035085011651	Công nghệ thông tin		Đại học	100	1	100
39	Nguyễn Thị Thanh Liêm	01/06/1974	060174002435	Sư phạm Sinh học		Thạc sĩ	100	1	100
40	Đặng Ngọc Hùng	05/08/1968	060068009007	Văn học Việt Nam		Thạc sĩ	100	1	100
41	Phạm Thúy Nhược Lan	09/01/1973	060173009077	Kinh tế học		Thạc sĩ	100	1	100
42	Võ Yên Hùng	02/03/1973	082073002624	Giáo dục Thể chất		Đại học	100	1	100
43	Phạm Hồng Phượng	25/01/1985	060185001154	Văn học nước ngoài		Thạc sĩ	100	1	100
44	Trần Việt Dũng	15/01/1965	011065002490	Giáo dục Thể chất		Thạc sĩ	100	1	100
45	Nguyễn Thị Minh Hiền	20/06/1986	060186000454	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ	100	1	100
46	Nguyễn Văn Mạnh	21/08/1978	060078003242	Giáo dục Thể chất		Đại học	100	1	100
47	Trần Thị Loan Phương	01/06/1982	060182000422	Giáo dục học		Thạc sĩ	100	1	100

2.1.2 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ Thạc sĩ

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ
-----	-----------	---------------------	-------------------------	--------------------	--------------------	----------

2.1.3 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ Tiến sĩ

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ
-----	-----------	---------------------	-------------------------	--------------------	--------------------	----------

2.2 Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng:

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Thâm niên công tác	Tên doanh nghiệp	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
-----	-----------	----------------------	--------------------------	-----------	-----------	-----------------------------	-------------------	-----------------------	------------------------	--------------------	----------	-------------------------	--------------------	------------------	------------------------	-------------------------	---

2.2.1 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Trình độ Đại học

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ
-----	-----------	---------------------	-------------------------	--------------------	--------------------	----------

2.2.2 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: *Trình độ Thạc sĩ*

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ
-----	-----------	---------------------	-------------------------	--------------------	--------------------	----------

2.2.3 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Trình độ Tiến sĩ

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ
-----	-----------	---------------------	-------------------------	--------------------	--------------------	----------

3. *Danh sách cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ chuyên trách về đào tạo từ xa*

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/ CCCD/ Hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành đại học	Thời gian quản lý, hỗ trợ chuyên trách về ĐTTX	Địa chỉ quản lý, hỗ trợ ĐTTX tại cơ sở đào tạo/ các trạm ĐTTX
-----	-----------	----------------------	--------------------------	-----------	-----------	-----------------------------	-------------------	--------------------	----------	-------------------------	------------------	--	---

Ngày xuất: 24/03/2025 17:32

5.Công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng

5.1 Cơ sở đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng

Số quyết định	Ngày quyết định	Tổ chức công nhận
---------------------	-----------------	----------------------

5.2 Chương trình đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng

STT	Tên ngành đào tạo có chương trình đào tạo được công nhận kiểm định	Mã ngành đào tạo	Số QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Ngày QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Tên tổ chức công nhận kiểm định
-----	--	---------------------	---	---	------------------------------------

Ngày xuất: 24/03/2025 17:32

6. Hội đồng trường/ Hội đồng đại học

6.1 Quyết định thành lập

Số quyết định	Ngày quyết định	Đơn vị ký ban hành quyết định
QĐ 1265/QĐ-UBND	29/06/2023	UBND tỉnh Bình Thuận

6.2 Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Giới tính	Chức vụ trong Hội đồng trường	Cơ quan công tác	Chức vụ nơi cơ quan công tác
1	Đỗ Huy Sơn	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN	Hiệu trưởng
2	Trương Văn Chính	Thạc sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN	Phó Hiệu trưởng
3	Nguyễn Hữu Ích	Thạc sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN	Phó Hiệu trưởng
4	Trần Thị Kim Chung	Thạc sĩ	Nữ	Ủy viên	TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN	Phó Hiệu trưởng

Ngày xuất: 24/03/2025 17:32

7. Các văn bản triển khai thực hiện quyền tự chủ

STT	Loại văn bản triển khai quyền tự chủ	Nội dung văn bản	QĐ ban hành	Ngày QĐ ban hành	Cơ quan ban hành quyết định
-----	--------------------------------------	------------------	-------------	------------------	-----------------------------

8. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

ST T	Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh)
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	511	250	262	237	
1.1	Giáo dục mầm non	51140201	250	262	237	99
	Tổng		250	262	237	

Ngày xuất: 24/03/2025 17:32

Cơ quan quản lý trực tiếp
UBND tỉnh Bình Thuận
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Công văn số/CĐBT-ĐT ngày/3/2025)

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2024 (người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC			0
1	Tiến sĩ			0
1.1	Tiến sĩ chính quy			
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			
2	Thạc sĩ			0
2.1	Thạc sĩ chính quy			
2.2	Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			
B	ĐẠI HỌC			0
3	Đại học chính quy			0
3.1	Chính quy			0
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học			
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)			
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			
3.5	Liên kết đào tạo với nước ngoài			
4	Đại học vừa làm vừa học			0
4.1	Vừa làm vừa học			
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			
4.4	đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			
5	Từ xa			
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MÀM NON			314
6	Cao đẳng chính quy			314
6.1	Chính quy	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo	314

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy	51140201	dục và đào tạo giáo viên	0
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	51140201	dục và đào tạo giáo viên	0
7	Cao đẳng vừa làm vừa học			0
7.1	Vừa làm vừa học	51140201	dục và đào tạo	0
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học	51140201	dục và đào tạo giáo viên	0
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	51140201	dục và đào tạo giáo viên	0

2. Dự kiến người học tốt nghiệp năm 2025 (người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
A	SAU ĐẠI HỌC			0	0
1	Tiến sĩ			0	0
1.1	Tiến sĩ chính quy			0	
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			0	
2	Thạc sĩ			0	0
2.1	Thạc sĩ chính quy			0	
2.2	Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			0	
B	ĐẠI HỌC			0	0
3	Đại học chính quy			0	0
3.1	Chính quy			0	0
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học			0	
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)			0	
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			0	0
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			0	0
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0	0
3.5	Liên kết đào tạo với nước ngoài			0	
4	Đại học vừa làm vừa học			0	0
4.1	Vừa làm vừa học			0	0
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			0	0
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			0	0
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0	0
5	Từ xa			0	0
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			0	104
6	Cao đẳng chính quy			0	104
6.1	Chính quy	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	3	104
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0	0
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0	0
7	Cao đẳng vừa làm vừa học			0	0
7.1	Vừa làm vừa học	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0	0

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0	0
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0	0

Ngày xuất: 24/03/2025 17:32

3. Giảng viên toàn thời gian, giảng viên thỉnh giảng theo lĩnh vực

3.1 Giảng viên toàn thời gian theo lĩnh vực các trình độ từ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
I	Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ								
II	Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ								
III	Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ ĐH, CĐSP								
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	511	0	0	0	29	18	47	61,5
1.1	Giáo dục mầm non	51140201	0	0	0	29	18	47	61,5
	Tổng số giảng viên giảng dạy ĐH, CĐSP		0	0	0	29	18	47	61,5
IV	Giảng viên toàn thời gian tham gia ĐTTX trình độ ĐH								

Ngày xuất: 24/03/2025 17:32

3.2 Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các trình độ từ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
-----	----------	----------	---	--	---------------------------------	---------	---------	--------------	---

Ngày xuất: 24/03/2025 17:32

4. Cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ chuyên trách về đào tạo từ xa

Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cán bộ/ nhân viên quản lý, hỗ trợ	Tổng thời gian quản lý, hỗ trợ (theo tháng)	Tổng cán bộ/ nhân viên quản lý, hỗ trợ quy đổi
--	--	--------------------------------------	----------------	----------------	---	--	---

5. Cơ sở vật chất đến ngày 31/12/2024

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	74	5907,04
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	718
1.2	Giảng đường từ 100 - 200 chỗ	10	1422
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	22	1351,96
1.4	Số phòng dưới 50 chỗ	41	2415,08
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	0	0
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1372
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	57	5247,84
	TỔNG	132	12526,88

Cơ quan quản lý trực tiếp
UBND tỉnh Bình Thuận
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Công văn số/CĐBT-ĐT ngày/3/2025)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
*	TỔNG CHỈ TIÊU CHÍNH QUY SO SÁNH CƠ SỞ VẬT CHẤT (3 + 6)			4264	0	100
A	SAU ĐẠI HỌC			0	0	0
1	Tiến sĩ			0	0	0
1.1	Tiến sĩ chính quy				0	0
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài				0	0
2	Thạc sĩ			0	0	0
2.1	Thạc sĩ chính quy			0	0	0
2.2	Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			0	0	0
B	ĐẠI HỌC			0	0	0
3	Đại học chính quy			0	0	0
3.1	Chính quy			0	0	0
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học			0	0	0
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)			0	0	0
*	TỔNG CHỈ TIÊU ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (3.1 VỚI 3.2 + 3.3)			0		0
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học					0
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học					0
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên					0
3.5	Liên kết đào tạo với nước ngoài			0	0	0
4	Đại học vừa làm vừa học			0		0
4.1	Vừa làm vừa học					0
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học					0
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học					0
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên					0
*	TỔNG CHỈ TIÊU TỪ XA SO SÁNH VỚI CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH VỀ ĐÀO TẠO TỪ XA			0	0	0
5	Từ xa			0	0	0
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			1328	0	100
6	Cao đẳng chính quy			1328	0	100
6.1	Chính quy	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1328	0	100
*	TỔNG CHỈ TIÊU CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (6.1 VỚI 6.2)			266		0
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			0
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			0
7	Cao đẳng vừa làm vừa học			664		0

7.1	Vừa làm vừa học	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			0
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			0
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghề nghiệp trình độ cao đẳng	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			0